

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2022/HS-ST**

Ngày: 23.8.2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Khởi

2. Ông Trần Văn Tám

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Minh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thế L, sinh năm 1972;

Nơi sinh: huyện A B, tỉnh Kiên Giang;

Nơi cư trú: ấp K, xã Đ, huyện A B, tỉnh Kiên Giang;

Nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 3/12; dân tộc kinh; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1928 (đã chết) và bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1927 (đã chết) (cha dưỡng ông Trần Thành S, sinh năm 1928 (đã chết));

Vợ Trần Mỹ H, sinh năm 1972 (đã chết); con 03 người, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2005;

Tiền sự không;

Tiền án không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2022 cho đến nay (có mặt).

* Bị hại: Ông **Võ Văn R**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Ngọc Th, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện M, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết nhau từ trước nên vào khoảng 07 giờ ngày 04/3/2022, Võ Văn R điều khiển xe mô tô mang biển số 68M1-346.44 của R chở Trần Thế L đi từ ấp A, xã A M B, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang đến nhà người quen của R ở xã Đ H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang chơi. Khi đến nhà người quen của R thì tổ chức uống rượu bia. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, R điều khiển xe mô tô mang biển số 68M1-346.44 chở L đi đến nhà của ông Danh V ở ấp K, xã A M B, huyện U M T, để tiếp tục tổ chức uống rượu bia. Khi đến nơi thì không thấy ông V ở nhà. R mới vào nhà ông V ngồi vờng một lúc thì L mới rủ R đi đến nhà bà Tám Y ở cuối Kinh 21 thuộc ấp K, xã A M B để tổ chức uống rượu bia. Lúc này, do hơi mệt nên R mới đưa chìa khóa xe mô tô mang biển số 68M1-346.44 cho L điều khiển chở R đi. Khi cả hai đi đến nhà của bà Y thì lúc này bà Y có việc phải đi khỏi nhà nên L mới điều khiển xe chở R quay lại nhà ông V. R mới đi vào nhà ông V nằm vờng và ngủ quên. Sau đó, L mới điều khiển xe mô tô mang biển số 68M1-346.44 đi ra đầu Kinh 21 để mua thuốc lá. Lúc này, L mới nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô mang biển số 68M1-346.44 nên đã điều khiển xe mô tô trên đi đến nhà của người chị tên Nguyễn Thị Q ở ấp 4, xã G, huyện V T, tỉnh Hậu Giang.

Do cần tiền tiêu xài nên L mới nói với bà Q cần tìm người để cầm chiếc xe mô tô mang biển số 68M1-346.44. Đến ngày 06/3/2022, L cùng với bà Q đi đến nhà bà Huỳnh Kim S ở ấp 4, xã T, huyện M, tỉnh Hậu Giang, là thông gia với bà Q, để thăm bệnh. Sau đó, mọi người tổ chức uống rượu tại nhà bà S. Lúc này, có bà Phạm Ngọc Th, là người cùng xóm với bà S, cũng là bạn của bà Q, đến và tham gia chung. Trong lúc uống rượu, L mới đề cập với bà Th việc cần cầm chiếc xe mô tô mang biển số 68M1-346.44, bà Q mới nói với Th là L là em của bà Q từ Kiên Giang lên. Bà Th mới hỏi L

cầm bao nhiêu, L nói cầm 15 triệu đồng. Bà Th tin tưởng nên nhận cầm chiếc xe mô tô mang biển số 68M1-346.44 từ L. Bà Th nói “giờ không có tiền, ngày mai đi”. Đến sáng ngày 07/3/2022, L chở bà Q đến nhà bà Th để cầm chiếc xe mô tô mang biển số 68M1-346.44, với giá 15 triệu đồng, thời hạn 03 tháng L chuộc xe lại và trả lãi cho bà Th 01 triệu đồng/tháng. Sau khi cầm xe, L lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Võ Văn R sau khi ngủ quên tại nhà ông V được khoảng 30 phút thì thức dậy. R nhìn xung quanh thì không thấy L và chiếc xe mô tô của mình đâu nên mới nhiều lần gọi điện thoại cho L nhưng không thấy nghe máy. Sau đó, R mới đi nhiều nơi tìm L và chiếc xe mô tô của mình nhưng không gặp. Đến ngày 08/3/2022, R đến Công an xã A M B tố giác hành vi chiếm đoạt tài sản của Trần Thế L.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện U M T kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, mang biển kiểm soát 68M1-346.44, tại thời điểm tháng 3/2022 có giá giao dịch trên thị trường là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, mang biển kiểm soát 68M1-346.44, số máy JC76E1034564, số khung 7630KY024115.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028399, tên chủ xe Lê Thị Bích Tân, cấp ngày 07/8/2019.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSUMT ngày 11/7/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Thế L về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thế L từ 06 đến 09 tháng tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Về biện pháp tư pháp: Ngày 11/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T đã trả lại cho bị hại Võ Văn R vật chứng gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, mang biển kiểm soát 68M1-346.44, số máy JC76E1034564, số khung 7630KY024115 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028399, tên chủ xe Lê Thị Bích Tân, cấp ngày 07/8/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Văn R đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Ngọc Th đã nhận đủ số tiền không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa:

Bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên nói lời sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U M T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào ngày 04/3/2022, Trần Thế L lợi dụng sự tin tưởng của ông Võ Văn R khi được giao xe mô tô mang biển kiểm soát 68M1-346.44 sử dụng, đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên, với trị giá tài sản bị xâm hại là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) đồng, đủ cơ sở kết luận. Bị cáo Trần Thế L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau, bị cáo đã lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của bị hại, bị cáo tự lấy xe của bị hại điều khiển đi mua thuốc lá và nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của bị hại nên bị cáo điều khiển xe của bị hại đến Hậu Giang và đã cầm chiếc xe của bị hại cho bà Phạm Ngọc Th với số tiền 15.000.000đ, bị cáo lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo xâm phạm tài sản hợp pháp của bị hại, thể hiện sự coi thường pháp luật, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự tham lam, tính lười lao động.

Do đó, cần xử bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và hậu quả hành vi phạm tội, để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt sống có ích cho xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với hành vi của bà Phạm Ngọc Th khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 68M1346.44 từ bị cáo Trần Thế L, và hành vi của bà Nguyễn Thị Q khi tham gia giúp việc cầm cố của Trần Thế L thì đều không biết đây là tài sản do Trần Thế L phạm tội mà có nên không xử lý.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo và gia đình đã khắc phục hoàn toàn hậu quả xảy ra. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b,i,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện U M T về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo L từ 06 đến 09 tháng tù là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi nghị án.

[6] Về các vấn đề khác:

Ngày 11/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T đã trả lại cho bị hại Võ Văn R vật chứng gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, mang biển kiểm soát 68M1-346.44, số máy JC76E1034564, số khung 7630KY024115 và 01 (một)

giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028399, tên chủ xe Lê Thị Bích Tân, cấp ngày 07/8/2019. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Võ Văn R đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Ngọc Th đã nhận được số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo Trần Thế L và gia đình khắc phục, bà Th không yêu cầu bị cáo bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 175 BLHS do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thế L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thế L 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2022.

3. Về biện pháp tư pháp:

Ngày 11/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T đã trả lại cho bị hại Võ Văn R vật chứng gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, mang biển kiểm soát 68M1-346.44, số máy JC76E1034564, số khung 7630KY024115 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028399, tên chủ xe Lê Thị Bích Tân, cấp ngày 07/8/2019. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Văn R đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Ngọc Th đã nhận được số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo Trần Thế L và gia đình khắc phục, bà Th không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội. Bị cáo Trần Thế L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U M T;
- Cơ quan điều tra Công an huyện U M T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện U M T;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U M T;
- Lưu.

Nguyễn Tấn Lợi